

# 12 Chi Đạo

1. Chánh Kiến (*sammādiṭṭhi*):
  - Tâm sở Trí (*paññā*) trong
  - 8 tâm Đại thiện (*mahākusalacitta*),
  - 8 tâm Đại tố (*mahākiriyacitta*) và
  - 26 tâm Đồng lực Kiên cố (*appanājavana*).
2. Chánh Tư Duy (*sammāsaṅkappa*):
  - Tâm sở Tầm (*vitakka*) trong
  - 8 tâm Đại thiện (*mahākusalacitta*),
  - 8 tâm Đại tố (*mahākiriyacitta*) và
  - 26 tâm Đồng lực Kiên cố (*appanājavana*).
3. Chánh Ngữ (*sammāvācā*):
  - Tâm sở Chánh Ngữ (*sammāvācā*) trong
  - 8 tâm Đại thiện (*mahākusalacitta*) và
  - 40 tâm Siêu thế (*lokuttaracitta*).
4. Chánh Nghiệp (*sammākammanta*):
  - Tâm sở Chánh Nghiệp (*sammākammanta*) trong
  - 8 Đại thiện (*mahākusalacitta*) và
  - 40 tâm Siêu thế (*lokuttaracitta*).
5. Chánh Mạng (*sammā-ājīva*):
  - Tâm sở Chánh Mạng (*sammā-ājīva*) trong
  - 8 Đại thiện (*mahākusalacitta*) và
  - 40 tâm Siêu thế (*lokuttaracitta*).
6. Chánh Tinh Tấn (*sammāvāyāma*):
  - Tâm sở Cần (*virīya*) trong
  - 8 tâm Đại thiện (*mahākusalacitta*),
  - 8 tâm Đại tố (*mahākiriyacitta*) và
  - 26 tâm Đồng lực Kiên cố (*appanājavana*).
7. Chánh Niệm (*sammāsati*):
  - Tâm sở Niệm (*sati*) trong
  - 8 Đại thiện (*mahākusalacitta*),
  - 8 tâm Đại tố (*mahākiriyacitta*) và
  - 26 tâm Đồng lực Kiên cố (*appanājavana*).
8. Chánh Định (*sammāsamādhi*):
  - Tâm sở Định (*ekaggatā*) trong
  - 8 Đại thiện (*mahākusalacitta*),
  - 8 tâm Đại tố (*mahākiriyacitta*) và
  - 26 tâm Đồng lực Kiên cố (*appanājavana*).
9. Tà Kiến (*micchādiṭṭhi*):
  - Tâm sở Tà Kiến (*micchādiṭṭhi*) trong
  - 4 tham hợp tà (*lobhamūladiṭṭhisampayuttacitta*).
10. Tà Tư Duy (*micchāsaṅkappa*):
  - Tâm sở Tầm (*vitakka*) trong
  - 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*).
11. Tà Tinh Tấn hay Tà Cần (*micchāvāyāma*):
  - Tâm sở Cần (*virīya*) trong
  - 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*).
12. Tà Định (*micchāsamādhi*):
  - Tâm sở Định (*ekaggatā*) trong
  - 12 tâm bất thiện (*akusalacitta*).